

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1085 /VP-KTTH

Kiên Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2020

V/v giao nhiệm vụ xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 38/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc đề xuất giao Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 (kèm theo).

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Thị Minh Phượng có ý kiến như sau:

Chấp thuận chủ trương giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp xây dựng Đề án.

Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát lại các chủ trương của Chính phủ để tổng hợp, lồng ghép khi xây dựng Đề án. Đề án phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo ý kiến của Phó Chủ tịch UBND tỉnh đến quý cơ quan biết để thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KTTH;
- Lưu: VT, nknguyen.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Huỳnh Vĩnh Lạc

Số: 38 /TTr-SKHĐT

Kiên Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v đề xuất giao Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025

VP.UBND TỈNH KG
Số: 4034
ĐẾN Ngày: 28/02/2020
Chuyển: Đ/c Nguyễn
Lưu hồ sơ số: Ngày: 26/6/2019

Kính gửi: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 26/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 3732/VP-KTTH ngày 27/6/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, chấp thuận chủ trương cho phép thuê tư vấn xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

Ngày 20/9/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 2161/QĐ-UBND về phê duyệt đề cương và dự toán xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, với tổng kinh phí là 466.995.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng), thời gian thực hiện 07 tháng, kể từ khi đề cương và dự toán Đề án được phê duyệt. Tuy nhiên, qua trao đổi với một số đơn vị tư vấn thì với tổng kinh phí nêu trên sẽ khó có đơn vị tư vấn tham gia thực hiện; bên cạnh đó, thời gian thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, thời gian tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, thời gian tiến hành xây dựng đề án (sau khi tư vấn trúng thầu) mất rất nhiều thời gian, như vậy với thời gian thực hiện 07 tháng sẽ không đảm bảo hoàn thành đề án tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Thường trực UBND tỉnh:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 (kèm theo đề cương).

- Kinh phí xây dựng đề án là 228.280.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) lấy từ nguồn ngân sách tỉnh đã được giao trước đây là 466.995.000 đồng và chi theo thực tế công việc thực hiện (Kèm theo dự toán kinh phí).

- Các nội dung khác vẫn thực hiện theo Công văn số 3732/VP-KTTH ngày 27/6/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thường trực UBND tỉnh xem xét, chấp thuận. / *N*

Nơi nhận: *22/02/20*

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, P.ĐKKD.

K. GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH KIÊN GIANG

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 38 /TTr-SKHDT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

A) Căn cứ pháp lý tính kinh phí

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

- Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

B) Dự toán chi tiết

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung thành phần	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
1	<i>Xây dựng và ban hành kế hoạch, tờ trình, đề cương và dự toán kinh phí triển khai xây dựng đề án.</i>				14.000.000	
a)	Chăm công ngoài giờ.				10.000.000	
b)	Văn phòng phẩm.				4.000.000	
2	<i>Thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương và dự toán chi phí xây dựng Đề án.</i>				2.660.000	
a)	Văn phòng phẩm.		1	1.500.000	1.500.000	
b)	Nước uống.		8	20.000	160.000	
c)	Phô tô tài liệu.		1	1.000.000	1.000.000	
3	<i>Tổ chức khảo sát thu thập số liệu, lấy ý kiến của các doanh nghiệp và các địa phương về tình hình hoạt động, phát triển và mong muốn của doanh nghiệp trong thời gian tới.</i>				77.570.000	
3.1	<i>Huyện Hòn Đất</i>				1.740.000	
a)	- Phụ cấp công tác phí	07 người	7	120.000	840.000	
b)	- Tiền xăng	01 lượt	1	800.000	800.000	
c)	- Khác		1	100.000	100.000	
3.2	<i>Huyện Tân Hiệp, Châu Thành</i>				1.740.000	
a)	- Phụ cấp công tác phí	07 người	7	120.000	840.000	
b)	- Tiền xăng	01 lượt	1	800.000	800.000	
c)	- Khác		1	100.000	100.000	
3.3	<i>Huyện Gò Quao, Giồng Riềng</i>				1.740.000	
a)	- Phụ cấp công tác phí	07 người	7	120.000	840.000	



ST T	Nội dung thành phần	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
b)	- Tiền xăng	01 lượt	1	800.000	800.000	
c)	- Khác		1	100.000	100.000	
3.4	TP. Hà Tiên, Kiên Lương				2.220.000	
a)	- Phụ cấp công tác phí	07 người	7	160.000	1.120.000	
b)	- Tiền xăng	01 lượt	1	1.000.000	1.000.000	
c)	- Khác		1	100000	100.000	
3.5	Huyện Phú Quốc				14.980.000	
a)	- Phụ cấp công tác phí	06 người x 3 ngày	18	250.000	4.500.000	
b)	- Tiền vé tàu	06 vé x 02 lượt	12	340.000	4.080.000	
c)	- Tiền Thuê phòng ngủ	06 người x 2 đêm	12	450.000	5.400.000	
d)	- Khác		1	1.000.000	1.000.000	
3.6	Công tác Hà Nội				45.900.000	
	- Vé máy bay	04 người	4	9.000.000	36.000.000	
	- Phụ cấp công tác phí	04 người x 3 ngày	12	200.000	2.400.000	
	- Thuê phòng ngủ	02 phòng x 2 đêm	4	1.000.000	4.000.000	
	- Khác		1	3.500.000	3.500.000	
3.7	Tổ chức học tập kinh nghiệm tại tỉnh Bến Tre (02 ngày)				9.250.000	
a)	- Phụ cấp công tác phí	09 người x 2 ngày	18	200.000	3.600.000	
b)	- Tiền xăng	01 lượt	1	2.000.000	2.000.000	
c)	- Tiền thuê phòng ngủ	09 người x 1 đêm	9	350.000	3.150.000	
d)	- Khác		1	500.000	500.000	
4	Nhập và phân tích số liệu, viết đề án.				25.000.000	
a)	Chăm công ngoài giờ.				15.000.000	
b)	Văn phòng phẩm.				7.000.000	
c)	Phô tô, in ấn				3.000.000	
5	Tổ chức thẩm định đề án và chỉnh sửa lần 01 (trước khi gửi lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện).				10.050.000	
a)	Văn phòng phẩm.		1	1.500.000	1.500.000	
b)	Nước uống.		50	20.000	1.000.000	
c)	Phô tô tài liệu.		50	50.000	2.500.000	
d)	Tiền họp				5.050.000	
	- Chủ trì		1	150.000	150.000	
	- Thành viên		49	100.000	4.900.000	
6	Có văn bản lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.				6.000.000	
a)	Chăm công ngoài giờ.				4.000.000	

ST T	Nội dung thành phần	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
b)	Cước gửi văn bản				2.000.000	
7	<i>Chỉnh sửa, giải trình lần 02 theo ý kiến của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng doanh nghiệp.</i>				8.000.000	
a)	Chăm công ngoài giờ.				4.000.000	
b)	Văn phòng phẩm.				2.000.000	
c)	Phô tô tài liệu.				2.000.000	
8	<i>Hoàn chỉnh đề án theo ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>				8.000.000	
a)	Văn phòng phẩm.				2.000.000	
b)	Phô tô tài liệu.				2.000.000	
c)	Chăm công ngoài giờ.				4.000.000	
9	<i>Lập hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua</i>				8.000.000	
a)	Chăm công ngoài giờ.				4.000.000	
b)	Văn phòng phẩm.				2.000.000	
c)	Phô tô tài liệu.				2.000.000	
10	<i>Hỗ trợ cho đại diện tổ chức cung cấp thông tin (Dưới 30 chỉ tiêu) (Khảo sát tại các doanh nghiệp)</i>	Phiếu	400	85.000	34.000.000	Chi thực tế trên số phiếu thu về
11	<i>Chi phí ban hành đề án</i>				25.000.000	
	<i>- Phô tô, in ấn, phát hành</i>				25.000.000	
12	<i>Soạn thảo VB QPPL (QĐ của UBND tỉnh)</i>				10.000.000	
TỔNG CỘNG					228.280.000	

CHỦ N
SỞ
HOẠC
ĐẦU -
KIẾN Q

ĐỀ CƯƠNG

**Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên địa bàn
tỉnh Kiên Giang đến năm 2025**

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

Phần thứ hai

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN:

1. Mục tiêu tổng quát.
2. Mục tiêu cụ thể.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ:

1. Đối tượng hỗ trợ.
2. Phạm vi hỗ trợ.
3. Nguyên tắc hỗ trợ.

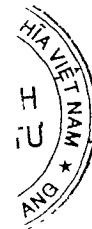
IV. NỘI DUNG HỖ TRỢ DNNVV.

Mục 1. HỖ TRỢ CHUNG

1. Hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Hỗ trợ tư vấn, hoàn thiện hồ sơ thành lập doanh nghiệp.
3. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng.
4. Hỗ trợ thuế, kế toán.
5. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất.
6. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ.
7. Hỗ trợ mở rộng thị trường.
8. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

Mục 2. HỖ TRỢ DNNVV CHUYÊN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH:

1. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp.
2. Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp.
3. Hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh lần đầu.



4. Hỗ trợ lệ phí môn bài.

Mục 3. HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO:

1. Tiêu chí lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.
2. Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.
3. Hỗ trợ thực hiện thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới.
4. Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ.
5. Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa.
6. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.
7. Hỗ trợ cho nhà đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Mục 4. HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Tiêu chí lựa chọn DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị
2. Hỗ trợ đào tạo.
3. Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh.
4. Hỗ trợ phát triển thương hiệu.
5. Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.
6. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng.

Mục 5. CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ RIÊNG CỦA TỈNH:

1. Tuyên truyền, phổ biến những chính sách hỗ trợ thành lập doanh nghiệp trên địa bàn.
2. Hỗ trợ phí và kinh phí thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp mới và hộ kinh doanh chuyển đổi.

Phần thứ ba KINH PHÍ THỰC HIỆN

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN